



cì zhòng

刺 中

verb · to stab; to hit (a target)

Example Sentences

Tā yī jiàn cì zhòng le dí rén.
他一剑刺 中 了敌人。

He stabbed the enemy with one sword thrust.

Zhè jù huà cì zhòng le tā de tòng chù.
这句话刺 中 了他的痛处。

This sentence hit his sore spot.

Trace each character, then write the word on your own.

刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺
中	中	中	中	中	中	中				